



HAI MINH
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (08) 35.128.668

FAX: (08) 35.128688

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ II NĂM 2017

(MÃ CK: HMH)

SO*MS*DA

TP.HCM, Ngày 27 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2017	Số dư 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.802.219.154	69.690.846.717
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.805.849.520	32.524.169.106
1. Tiền	111		7.805.849.520	9.024.169.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	23.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.282.694.444	1.282.694.444
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.282.694.444	1.282.694.444
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.772.900.141	34.542.027.354
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	23.771.515.923	21.290.037.372
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		345.760.601	649.269.873
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	25.655.623.617	12.602.720.109
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	580.000	403.208.568
Hàng tồn kho	141		580.000	403.208.568
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		940.195.049	938.747.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	558.282.628	938.747.245
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		381.912.421	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192.400.097.457	192.315.133.791
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		467.088.000	467.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	467.088.000	467.088.000
II. Tài sản cố định	220		31.742.503.966	34.175.174.258
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	31.164.518.589	33.590.197.123
Nguyên giá	222		45.741.767.488	48.209.046.656
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.577.248.899)	(14.618.849.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	577.985.377	584.977.135
Nguyên giá	228		601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.305.860)	(16.314.102)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.506.830.909	5.882.649.091
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	8.506.830.909	5.882.649.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		150.290.556.270	150.290.556.270
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	122.145.320.000	122.145.320.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	25.245.219.451	25.245.219.451
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	2.900.016.819	2.900.016.819
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.393.118.312	1.499.666.172
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.393.118.312	1.499.666.172
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		261.202.316.611	262.005.980.508

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Quý II năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2017	Số dư 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.553.250.887	15.761.936.537
I. Nợ ngắn hạn	310		13.398.250.887	15.606.936.537
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	8.898.279.750	6.973.821.914
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	624.904.436	822.846.760
3. Phải trả người lao động	314		552.203.631	898.595
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		112.567.115	42.436.364
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.199.425.195	7.310.095.710
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	63.548.886	87.253.053
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.938.904.374	369.584.141
II. Nợ dài hạn	330		155.000.000	155.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	155.000.000	155.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		247.649.065.724	246.244.043.971
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	247.649.065.724	246.244.043.971
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.614.442.869	6.614.442.869
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103.142.168.584	101.737.146.831
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>84.693.566.485</i>	<i>69.777.098.698</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>18.448.602.099</i>	<i>31.960.048.133</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		261.202.316.611	262.005.980.508

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2017




NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

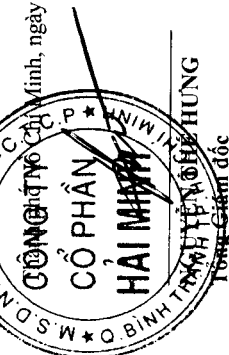
Quý II năm 2017

(Có so sánh với số liệu Quý II năm 2016)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2017		Quý II năm 2016		Đơn vị tính: VND 6 tháng đầu năm 2016
			6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.837.747.418	10.920.665.502	19.920.741.431	22.488.260.213	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.510.000	-	3.510.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	10.837.747.418	10.917.155.502	19.920.741.431	22.484.750.213	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.162.303.116	8.054.942.401	15.412.909.007	17.427.654.673	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.675.444.302	2.862.213.101	4.507.832.424	5.057.095.540	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.386.511.417	20.358.074.410	16.600.171.424	20.572.247.248	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.294.987	838.508.893	47.057.957	851.864.564	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>							
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	791.264.493	1.024.287.701	1.989.637.887	2.053.290.965	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.260.396.239	21.395.378.249	19.071.308.004	22.724.187.259	
11. Thu nhập khác	31		-	1.520.000.000	258.545.456	2.892.727.273	
12. Chi phí khác	32		-	1.482.112.668	252.906.989	2.814.154.018	
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	-	37.887.332	5.638.467	78.573.255	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.260.396.239	21.395.378.249	19.076.946.471	22.802.760.514	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	465.034.326	335.662.770	628.344.372	618.019.223	
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	17.795.361.913	21.059.715.479	18.448.602.099	22.184.741.291	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.307,70	1.547,59	1.355,71	1.630,79	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.9	1.307,70	1.547,59	1.355,71	1.630,79	

MAU B02a-DN

Ngày 27 tháng 7 năm 2017



(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Q. Kế toán trưởng

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)


Quý II năm 2017

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.076.946.471	22.782.760.514
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.323.302.152	2.295.171.244
- Các khoản dự phòng	03		-	800.000.000
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.102.401	913.099
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.588.932.179)	(20.352.367.148)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.820.418.845	5.526.477.709
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(2.050.902.680)	(13.500.766.702)
- Tăng hàng tồn kho	10		402.628.568	(364.533.330)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		938.767.016	7.726.561.751
- Tăng chi phí trả trước	12		487.012.477	(1.150.452.471)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(705.144.491)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.275.385.588)	(1.499.048.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.617.394.147	(3.261.761.265)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.677.181.818)	(2.689.199.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.892.727.273
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.961.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		3.136.417.791	529.719.492
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.459.235.973	(7.427.752.871)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cô tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.785.847.305)	(5.279.938.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.785.847.305)	(5.279.938.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.709.217.185)	(15.969.452.936)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.524.169.106	38.046.478.624
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.102.401)	(913.099)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.805.849.520	22.076.112.589



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2017


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Q. Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

MÃU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý II năm 2016 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. **Cấu trúc của Công ty**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. 2 Công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.	96.08%	96.08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.	100.00% (trong đó: 99.92% trực tiếp và 0.08% gián tiếp)	100.00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh. Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An. TP. Hải Phòng.	100.00% (trong đó: 99.00% trực tiếp và 1.00% gián tiếp)	100.00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành. nghề kinh doanh chủ yếu
Công ty TNHH "K" Line Nam	60A Nguyễn Chí Việt Thanh, Quận Đa, Thành phố Hà Nội	25.00%	25.00%	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ. Phường 25, Quận Bình Thạnh. Thành phố Hồ Chí Minh.	49.00%	49.00%	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 là 59 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 60 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, đây là kỳ kế toán thứ 16 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kê toán ghi giảm số vốn đã góp. Phân chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày lập Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 43
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ....

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số dư 31/6/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
Tiền mặt	84.479.742	275.955.227
Tiền gửi ngân hàng	7.721.369.778	8.748.213.879
Các khoản tương đương tiền (i)	9.000.000.000	23.500.000.000
Cộng	<u>16.805.849.520</u>	<u>32.524.169.106</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4.5%/năm đến 5.2%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn**

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.082.694.444	1.082.694.444
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	200.000.000	200.000.000
Cộng	<u>1.282.694.444</u>	<u>1.282.694.444</u>

3. Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	3.957.154.400	5.403.817.936
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	767.783.359	326.593.044
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	1.972.000.000	1.984.500.000
Công ty TNHH Hàng hải Hải Minh	280.000.000	-
Các khách hàng khác	16.794.578.164	13.575.126.392
Cộng	<u>23.771.515.923</u>	<u>21.290.037.372</u>

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	3.957.154.400	5.403.817.936
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	767.783.359	326.593.044
Cộng	<u>4.724.937.759</u>	<u>5.730.410.980</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	Số dư 31/6/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	25.655.623.617	-	12.602.720.109	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	15.938.374.443	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	472.097.704	-	155.701.886	-
Ký cược. ký quỹ	250.000.000	-	250.000.000	-
C.ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	6.014.573.902	-	4.846.391.787	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.351.724.429	-	-	-
C.ty TNHH Hàng Hải Hải Minh	1.329.321.900	-	-	-
Lãi dự thu	97.463.757	-	225.351.295	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	202.067.482	-	772.896.864	-
b) Phải thu dài hạn khác	467.088.000	-	467.088.000	-
Ký quỹ. ký cược dài hạn khác	467.088.000	-	467.088.000	-
Cộng (*)	26.122.711.617	-	13.069.808.109	-
(*) Phải thu khác bên liên quan		-		-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	15.938.374.443	-	6.352.378.277	-

5. Hàng tồn kho

	Số dư 31/6/2017	Số dư 01/01/2017
Nguyên liệu. vật liệu	580.000	147.954.792
Hàng hóa	-	255.253.776
Cộng	580.000	403.208.568
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	580.000	403.208.568

6. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn	558.282.628	938.747.245
Phí sửa chữa	151.010.179	477.245.862
Chi phí khác	407.272.449	461.501.383
b) Chi phí trả trước dài hạn	1.393.118.312	1.499.666.172
Chi phí văn phòng	416.099.970	533.911.139
Phí sửa chữa	385.472.881	176.354.258
Chi phí khác	591.545.461	789.400.775
Cộng	1.951.400.940	2.438.413.417

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Số dư 01/01/2017	14.505.410.057	29.478.093.253	172.415.073	4.053.128.273	48.209.046.656
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	2.467.279.168	-	-	2.467.279.168
Số dư 31/6/2017	14.505.410.057	27.010.814.085	172.415.073	4.053.128.273	45.741.767.488
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư 01/01/2017	393.557.626	11.900.078.180	172.415.073	2.152.798.654	14.618.849.533
Tăng trong kỳ	168.667.554	1.796.812.652	-	350.830.188	2.316.310.394
Giảm trong kỳ	-	2.357.911.028	-	-	2.357.911.028
Số dư 31/6/2017	562.225.180	11.338.979.804	172.415.073	2.503.628.842	14.577.248.899
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2017	14.111.852.431	17.578.015.073	-	1.900.329.619	33.590.197.123
Số dư 31/6/2017	13.943.184.877	15.671.834.281	-	1.549.499.431	31.164.518.589
Tại 01/01/2017	-	3.432.547.572	172.415.073	-	3.604.962.645
Tại 31/6/2017	-	1.307.638.404	172.415.073	-	1.480.053.477

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2017	601.291.237	601.291.237
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/6/2017	601.291.237	601.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2017	16.314.102	16.314.102
Tăng trong kỳ	6.991.758	6.991.758
Giảm trong kỳ		
Số dư 31/6/2017	23.305.860	23.305.860
Giá trị còn lại		
Số dư 01/01/2017	584.977.135	584.977.135
Số dư 31/6/2017	577.985.377	577.985.377

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 30/6/2017	Số dư 01/01/2017
Các công trình khác	8.506.830.909	5.882.649.091
Cộng	8.506.830.909	5.882.649.091

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư 31/6/2017			Số dư 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự		Giá gốc	Dự	
		phòng	Giá trị hợp lý		phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư vào công ty con</i>						
Công ty TNHH Hàng hải HM	41,580,000,000	-	41,580,000,000	41,580,000,000	-	41,580,000,000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	34,604,120,000	-	34,604,120,000	34,604,120,000	-	34,604,120,000
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	45,961,200,000	-	45,961,200,000	45,961,200,000	-	45,961,200,000
Cộng	122.145.320.000	-	122.145.320.000	122.145.320.000	-	122.145.320.000
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>						
Công ty TNHH Kline Việt Nam	18.175.783.651		18.175.783.651	18.175.783.651	-	18.175.783.651
Công ty TNHH Dongbu Hải Minh	7.069.435.800		7.069.435.800	7.069.435.800	-	7.069.435.800
Cộng	25.245.219.451		25.245.219.451	25.245.219.451	-	25.245.219.451

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%	41.580.000.000	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	34.604.120.000	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km 105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%	45.961.200.000	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Cộng				122.145.320.000	

Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Nơi hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	25,00%	25%	18.175.783.651	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa.
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Số 1, Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	7.069.435.800	Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ
Cộng				25.245.219.451	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán**

	Số dư 31/6/2017		Số dư 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.159.557.550	2.159.557.550	1.755.601.460	1.755.601.460
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	1.203.564.632	1.203.564.632	1.480.659.554	1.480.659.554
Công ty Hoa Tiêu Khu vực I	818.908.270	818.908.270	-	-
Công ty TNHH TV Hải Minh	14.750.000	14.750.000	18.550.000	18.550.000
Công ty TNHH TV Nam Phát	7.023.100	7.023.100	2.604.000	2.604.000
Nhà cung cấp khác	4.694.476.198	4.694.476.198	3.716.406.900	3.716.406.900
Cộng	8.898.279.750	8.898.279.750	6.973.821.914	6.973.821.914
Phải trả người bán bên liên quan	21.773.100		21.154.000	

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/6/2017
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước</i>	<i>82.318.942</i>	<i>296.069.409</i>	<i>378.388.351</i>	-
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	82.318.942	296.069.409	378.388.351	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>365.130.991</i>	<i>628.344.372</i>	<i>705.144.491</i>	<i>288.330.872</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	365.130.991	628.344.372	705.144.491	288.330.872
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>252.453.684</i>	<i>1.029.397.028</i>	<i>1.036.154.026</i>	<i>245.696.686</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	252.453.684	1.029.397.028	1.036.154.026	245.696.686
<i>Các loại thuế khác</i>	<i>122.943.143</i>	<i>710.484.308</i>	<i>742.550.573</i>	<i>90.876.878</i>
Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	122.943.143	707.484.308	739.550.573	90.876.878
<i>Thuế phải nộp</i>	<i>122.943.143</i>	<i>707.484.308</i>	<i>739.550.573</i>	<i>90.876.878</i>
<i>Thuế phải thu</i>				
Cộng	822.846.760	2.664.295.117	2.862.237.441	624.904.436

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán

Thuế và các khoản phải thu

Nhà nước (*)

Thuế và các khoản phải nộp

Nhà nước

822.846.760

624.904.436

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Dịch vụ trong nước : 10%

+ Dịch vụ cước vận tải quốc tế : 0%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các quy định hiện hành.

13. Phải trả khác

	<u>Số dư 31/6/2017</u>	<u>Số dư 01/01/2017</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	18.665.430	34.405.230
BHXH	1.494.000	1.494.000
BHYT	1.515.000	1.515.000
BHTN	100.000	100.000
Cổ tức hải trả	13.923.195	6.599.923.500
Công ty TNHH TV Hải Minh	203.600.000	-
Hàng Hải Hải Minh	304.910.000	200.700.000
Công ty TNHH TV Nam Phát	214.400.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	440.817.570	471.957.980
Cộng	<u>1.199.425.195</u>	<u>7.310.095.710</u>
b) Phải trả dài hạn khác		
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	155.000.000	155.000.000
Cộng	<u>155.000.000</u>	<u>155.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
 BAO CAO TÀI CHÍNH
 Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số dư 01/01/2017	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chuyển quỹ cho Công ty con	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Số dư 31/6/2017
22.381.001	1.604.823.493	(763.800.000)	(259.058.000)	604.346.494
347.203.140	1.239.882.328	-	(252.527.588)	1.334.557.880
369.584.141	2.844.705.821	(763.800.000)	(511.585.588)	1.938.904.374

Quý II năm 2017

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành

Cộng

15. Vốn chủ sở hữu**Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước**

Số dư 01/01/2016	Lợi nhuận năm 2016	Trích lập các quỹ	Chia cổ tức	Điều chỉnh khác	Số 31/12/2016	Số dư 01/01/2017	Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017	Trích quỹ các quỹ	Chia cổ tức	Giảm khác	Số dư 31/6/2017
131.998.470.000	31.960.048.133	(3.993.413.436)	(21.119.755.200)	-	94.890.267.334	131.998.470.000	18.448.602.099	(2.844.705.821)	(13.199.847.000)	(999.027.525)	131.998.470.000
-	-	-	-	33.000.000	5.860.984.271	-	-	-	-	-	5.860.984.271
-	-	-	-	-	5.893.984.271	-	-	-	-	-	5.893.984.271
-	-	-	-	-	5.893.984.271	-	-	-	-	-	5.893.984.271
131.998.470.000	31.960.048.133	(3.993.413.436)	(21.119.755.200)	-	94.890.267.334	131.998.470.000	18.448.602.099	(2.844.705.821)	(13.199.847.000)	(999.027.525)	131.998.470.000
131.998.470.000	31.960.048.133	(3.993.413.436)	(21.119.755.200)	33.000.000	94.890.267.334	131.998.470.000	18.448.602.099	(2.844.705.821)	(13.199.847.000)	(999.027.525)	131.998.470.000
131.998.470.000	31.960.048.133	(3.993.413.436)	(21.119.755.200)	33.000.000	94.890.267.334	131.998.470.000	18.448.602.099	(2.844.705.821)	(13.199.847.000)	(999.027.525)	131.998.470.000
131.998.470.000	31.960.048.133	(3.993.413.436)	(21.119.755.200)	33.000.000	94.890.267.334	131.998.470.000	18.448.602.099	(2.844.705.821)	(13.199.847.000)	(999.027.525)	131.998.470.000
131.998.470.000	31.960.048.133	(3.993.413.436)	(21.119.755.200)	33.000.000	94.890.267.334	131.998.470.000	18.448.602.099	(2.844.705.821)	(13.199.847.000)	(999.027.525)	131.998.470.000

Số dư 01/01/2016

Lợi nhuận năm 2016

Trích lập các quỹ

Chia cổ tức

Điều chỉnh khác

Số 31/12/2016

Số dư 01/01/2017

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017

Trích quỹ các quỹ

Chia cổ tức

Giảm khác

Số dư 31/6/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Vốn điều lệ**

	Vốn điều lệ theo giấy phép		Vốn điều lệ thực góp	
	VND	Số cổ phần	VND	Số cổ phần
Vốn điều lệ	100.000.000.000	10.000.000	131.998.470.000	13.199.847
Cộng	100.000.000.000	10.000.000	131.998.470.000	13.199.847

Cổ phiếu

	Tại 31/6/2016	Tại 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Dịch vụ vận tải	4.765.783.712	3.860.756.392	7.181.384.942	8.366.651.003
Dịch vụ khai thác kho bãi	1.765.822.641	3.194.881.639	4.196.078.232	7.404.822.993
Dịch vụ đại lý container	3.984.660.640	3.663.103.992	8.016.574.796	6.311.349.054
Cho thuê văn phòng	203.298.607	201.923.479	408.521.643	405.437.163
Doanh thu bán hàng hóa	118.181.818	-	118.181.818	-
Cộng	10.837.747.418	10.920.665.502	19.920.741.431	22.488.260.213

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn – dịch vụ vận tải	3.901.345.457	3.819.013.063	6.869.162.911	7.921.490.879
Giá vốn – khai thác kho bãi	1.997.947.402	2.642.256.988	4.110.536.946	6.190.887.301
Giá vốn – đại lý container	1.994.250.441	1.453.559.662	4.021.037.090	3.033.460.912
Giá vốn – cho thuê văn phòng	141.487.816	140.112.688	284.900.060	281.815.581
Giá vốn – hàng hóa	127.272.000	-	127.272.000	-
Cộng	8.162.303.116	8.054.942.401	15.412.909.007	17.427.654.673

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	305.828.088	437.370.092	435.055.385	529.719.492
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	9.585.996.166	10.959.771.887	9.585.996.166	10.959.771.887
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty con	6.349.228.444	8.235.802.514	6.349.228.444	8.235.802.514
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	73.474.868	140.054.795	73.474.868	140.054.795
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.983.851	36.575.122	156.416.561	158.398.560
Đầu tư khác	-	548.500.000	-	548.500.000
Cộng	16.386.511.417	20.358.074.410	16.600.171.424	20.572.247.248

4. Chi phí tài chính

Chi phí dự phòng	-	800.000.000	-	800.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.192.586	37.595.794	37.955.556	50.951.465
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.102.401	913.099	9.102.401	913.099
Cộng	10.294.987	838.508.893	47.057.957	851.864.564

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	393.990.200	574.931.753	1.104.091.801	1.109.454.963
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	27.072.732	26.442.249	54.145.464	52.884.498
Chi phí dụng cụ quản lý	3.957.939	30.438.971	23.336.746	46.745.717
Chi phí khấu hao	94.396.953	77.848.983	188.793.906	174.705.534
Thuế phí và lệ phí	5.715.056	150.768	9.504.989	6.022.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.896.462	272.514.764	455.927.411	591.842.070
Chi phí bằng tiền khác	69.235.151	41.960.213	153.837.570	71.635.604
Cộng	791.264.493	1.024.287.701	1.989.637.887	2.053.290.965

6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.520.000.000	254.545.456	2.892.727.273
Thu nhập khác	-	-	4.000.000	-
Thu nhập khác	-	1.520.000.000	258.545.456	2.892.727.273
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.482.112.668	252.906.989	2.814.154.018
Chi phí khác	-	1.482.112.668	252.906.989	2.814.154.018
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	37.887.332	5.638.467	78.573.255

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.076.946.471	22.802.760.514
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(15.935.224.610)	(19.712.664.401)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	31.410.000
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(15.935.224.610)	(19.744.074.401)
Thu nhập chịu thuế	3.141.721.861	3.090.096.113
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	628.344.372	618.019.223

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	18.448.602.099	22.184.741.291
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(553.458.063)	(658.522.196)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.895.144.036	21.526.219.095
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.355,71	1.630,79

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.895.144.036	21.526.219.095
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	17.895.144.036	21.526.219.095
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	13.199.847
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.355,71	1.630,79

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu,	1.001.672.845	506.237.049	1.670.672.382	1.078.046.154

H/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

vật liệu				
Chi phí nhân viên	2.761.857.004	2.994.352.753	5.621.136.862	5.738.455.517
Chi phí khấu hao	1.186.786.734	1.077.378.270	2.378.328.608	2.295.171.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.899.169.359	4.062.436.935	7.460.792.885	9.170.702.964
Chi phí bằng tiền khác	104.081.667	438.825.095	271.616.157	1.198.569.759
Cộng	8.953.567.609	9.079.230.102	17.402.546.894	19.480.945.638

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với bên liên quan***Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát
 Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh
 Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh
 Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)
 Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	-	1.272.727.273
<i>Mua dịch vụ</i>	17.702.318	10.749.910
<i>Lợi nhuận được chia</i>	1.351.724.429	3.389.410.727
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
<i>Mua dịch vụ</i>	141.375.455	631.881.818
<i>Lợi nhuận được chia</i>	3.668.182.115	4.846.391.787
Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh		
<i>Bán tài sản</i>	254.545.456	-
<i>Lợi nhuận được chia</i>	1.329.321.900	-
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	2.149.092.058	3.018.345.693
<i>Cổ tức được chia</i>	9.585.996.166	10.959.771.887
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	965.108.918	1.140.751.944
<i>Thanh lý tài sản cố định</i>	-	1.520.000.000

Tại ngày 31 tháng 6 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Số dư 31/6/2016	Số dư 01/01/2017
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát		
Phải thu khác	1.351.724.429	-
Phải trả	7.023.100	2.604.000
Phải trả khác	214.400.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh		
Phải thu khác	6.014.573.902	4.846.391.787

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả	14.750.000	18.550.000
Phải trả khác	203.600.000	-
Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh		
Phải thu	280.000.000	-
Phải thu khác	1.329.321.900	-
Phải trả khác	304.910.000	116.110.000
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
Phải thu	3.957.154.400	5.403.817.936
Phải thu khác	15.938.374.443	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	<u>767.783.359</u>	<u>326.593.044</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	<u>777.000.000</u>	<u>692.400.000</u>
Cộng	<u>777.000.000</u>	<u>692.400.000</u>

2. Giải trình kết quả kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước

Suy thoái kinh tế tiếp tục kéo dài và bất ổn chính trị tại một số cường quốc có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu là những nguyên nhân chính gây ảnh hưởng lớn đến Dịch vụ Logistic nói chung và làm suy giảm hiệu quả kinh doanh của một số dịch vụ tại đơn vị nói riêng, cụ thể số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty quý II và 6 tháng đầu năm lần lượt ảnh hưởng (giảm) 3.264.353.566 VND và 3.736.139.192 tương ứng giảm 15,5% và 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 6 năm 2017 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2017



NGUYỄN THÈ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN T. BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN T. BÍCH DIỆU
Người lập biểu